

BÁO CÁO
ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020.

A/ ƯỚC THỰC HIỆN QUÍ II NĂM 2020

I/ CÔNG NGHIỆP - TTCN

1/ Công nghiệp

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - xây dựng 06 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn huyện ước đạt 53.358,985 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), so với kế hoạch đạt 49.89%; so với cùng kỳ tăng 15,36%. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp (bao gồm quốc doanh, ngoài quốc doanh, đầu tư nước ngoài) 51.378,348 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 49,89%; so với cùng kỳ tăng 15,38%; giá trị xây dựng 1.980,637 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 49,83%; so với cùng kỳ tăng 15%.

Tình hình sản xuất công nghiệp 06 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng do thiếu nguyên vật liệu đầu vào và gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nhất là các đối tác nước ngoài không tiếp tục thực hiện đơn hàng như đã ký trước đây. Dự báo tình hình sản xuất công nghiệp trong những tháng còn lại vẫn còn không ít khó khăn. Vì vậy, Chính phủ cần nắm bắt thông tin tình hình dịch bệnh của từng đối tác thương mại lớn để xác định thời gian mở cửa đi kèm biện pháp hạn chế, kiểm soát nguy cơ lây nhiễm trong cộng đồng.

- Báo cáo tiến độ triển khai hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.
- Giải trình lập hồ sơ thẩm định thành lập Cụm công nghiệp cơ khí ô tô Đô Thành tại ấp Đất Mới, xã Long Phước với diện tích khoảng 68 ha.

- Góp ý các dự thảo: lần 1 “Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 – 2025; “Kế hoạch kiểm tra, giám sát, thẩm định chương trình, đề án khuyến công năm 2020”; “Kế hoạch sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020”; “sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu”; “Báo cáo kết quả triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020”; “Đề án tập huấn, huấn luyện lực lượng ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh năm 2020”; “Đề án thành lập và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 – 2025 (lần 3)” và Đề án “Hỗ trợ phát

triển công nghệ xử lý chất màu hữu cơ trong chất thải bằng kỹ thuật plasma nguội với xúc tác oxi hóa” và “Kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020”.

- Báo cáo rà soát số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất kinh doanh bị tác động ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong thời gian qua trên địa bàn huyện Long Thành.

- Kiện toàn ban hành động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành.

- Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng CCN và quy chế cung cấp quản lý các dịch vụ công cộng tiện ích trong CCN.

- Rà soát thông tin về hiện trạng và nhu cầu nhà ở của công nhân trong các cụm công nghiệp tính đến tháng 12/2019.

- Xây dựng dự thảo kế hoạch gặp gỡ doanh nghiệp năm 2020 và tuyên dương người nộp thuế năm 2019.

- Rà soát, cung cấp thông tin liên quan đến các dự án đầu tư của nước ngoài theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

- Kiến nghị Sở, ngành của tỉnh Đồng Nai hỗ trợ cung cấp một số thông tin phục vụ Hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp năm 2020.

2/ Tình hình triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp

- Trên địa bàn huyện Long Thành hiện nay có 03 cụm công nghiệp được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch chi tiết: Cụm CN-TTCN Tam An (50,95ha), Cụm CN-TTCN Long Phước 1 (điều chỉnh giảm diện tích còn 75ha), Cụm CN Phước Bình (75ha). Trong đó:

- + **Cụm công nghiệp Long Phước 1:** Hiện nay, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành đã phối hợp với phòng Tài nguyên – Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Long Thành và UBND xã Long Phước xác định thửa đất và quy chủ để lên kế hoạch bồi thường, giải phóng mặt bằng được 73 trường hợp/75ha.

Đã hoàn thành công tác kiểm kê và đo đếm tài sản đối với 72/72 trường hợp. Trong đó, gồm 68 hộ dân, 03 tổ chức và 01 trường hợp tranh chấp với Ban quản lý Rừng phòng hộ huyện Long Thành. Trong đó:

- Đến nay đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 (đợt 1) được UBND huyện Long Thành xác nhận tại Văn bản số 5287/UBND-KT ngày 21/6/2019 với tổng diện tích là 378.362,2m².

- Đối với phần diện tích còn lại Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính phê duyệt đơn giá bồi thường (đợt 2)

- + **Cụm công nghiệp Tam An:** Công ty TNHH SX-TM Trường Lâm đang liên hệ các Sở ngành của tỉnh để gia hạn tiến độ đầu tư và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 CCN Tam An.

+ **Cụm công nghiệp Phước Bình:** Hiện nay, Công ty TNHH MTV PAK Việt Nam đang liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND huyện Long Thành để lập thủ tục về chủ trương đầu tư cụm công nghiệp Phước Bình. Đến nay đã kiểm kê được 52/57 trường hợp với tổng diện tích là 531.621,4m²,

+ **Riêng Cụm công nghiệp ô tô Đô Thành:** Hiện nay, Công ty Cổ phần Ô tô Đô Thành đang tiến hành thỏa thuận với các hộ dân có đất trong vùng dự án được khoảng 20 ha. Dự kiến đến năm 2020, Công ty Cổ phần Ô tô Đô Thành sẽ hoàn tất các thủ tục về chủ trương đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng, lập quy hoạch chi tiết, thiết kế dự án, đánh giá tác động môi trường, hồ sơ thành lập cụm công nghiệp...

3/ Khuyến công

- Triển khai thông báo mời các doanh nghiệp đăng ký tham gia xét chọn sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020.

- Đăng ký đề án khuyến công địa phương năm 2020 về xây dựng mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái).

- Kiến nghị Sở Công Thương hỗ trợ kinh phí khuyến công năm 2020 cho Công ty TNHH Tương Lai tại ấp Thanh Bình, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất cao su kỹ thuật: mua máy đúc phun cao su lạnh, xuất xứ Đài Loan).

- Đề nghị UBND các xã, thị trấn và Hội doanh nhân trẻ Long Thành - Nhơn Trạch đăng ký Kế hoạch khuyến công năm 2021 và xây dựng Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 – 2025.

II/ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 06 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn huyện ước đạt 7.843,127 tỷ đồng (theo giá hiện hành), so với kế hoạch đạt 40.33%; so với cùng kỳ giảm 2,43%.

Trong 06 tháng đầu năm 2020 gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 nên tình hình dịch vụ giảm so với cùng kỳ do phải đóng cửa một số ngành ăn, uống, giải trí, du lịch,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cho công nhân tạm nghỉ việc, hoặc nghỉ việc luân phiên và cho thôi việc nên công nhân giảm và mất thu nhập nên ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái cũng được chỉ đạo tăng cường, không để xảy ra tình trạng tăng giá đột biến và tình trạng kinh doanh hàng gian, hàng giả.

- Báo cáo tình hình trước trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 trên địa bàn huyện Long Thành.

- Báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về chợ nông thôn trên địa bàn huyện năm 2019.

- Báo cáo tình hình xử lý các điểm kinh doanh lấn chiếm lòng, lề đường và chợ hoạt động không hiệu quả hoặc không hoạt động trên địa bàn huyện năm 2019.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn huyện năm 2019.
- Thông báo tham dự sự kiện VINA-M&A thông qua hình thức triển lãm giới thiệu dự án đến UBND các xã, thị trấn, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.
- Thông báo tham dự Ngày hội Mầm An Giang – Nam bộ năm 2020 đến UBND các xã, thị trấn, Hội Doanh nhân trẻ, Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện có nhu cầu đăng ký tham gia.
- Góp ý dự thảo Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020.
- Thông báo hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm nông, thủy sản của các tỉnh Hậu Giang, Hà Giang, Lai Châu, Bình Dương và thị xã Long Khánh đến doanh nghiệp, các siêu thị, cửa hàng tiện ích, Ban Quản lý các chợ trên địa bàn để thu mua chia sẻ khó khăn cho nông dân.
- Thông báo lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu năm 2020 đến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn huyện.
- Hướng dẫn hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí hóa lỏng, kinh doanh thuốc lá cho các hộ kinh doanh của xã An Phước, Long An, Bình An và Tam An.

III/ NÔNG NGHIỆP

1/ Tình hình sản xuất Nông nghiệp

1.1/ Về giá trị sản xuất nông nghiệp

- Giá trị sản xuất Nông – Lâm – Thủy sản 06 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1.098,727 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 41,93%, so với cùng kỳ tăng 2,88%. Cụ thể như sau:

+ Giá trị sản xuất Nông nghiệp: đạt 1.024,941 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 41,36%, so cùng kỳ tăng 2,99%. Trong đó: Trồng trọt 448,919 tỷ đồng; Chăn nuôi 534,014 tỷ đồng; Dịch vụ nông nghiệp 42,108 tỷ đồng. Tỷ trọng chăn nuôi đạt 52,10%.

+ Giá trị sản xuất Lâm nghiệp đạt 6,406 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 37,72%, so cùng kỳ tăng 0,06%.

+ Giá trị Thủy sản đạt 67,380 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 53,85%, so với cùng kỳ tăng 1,05% .

1.2/ Về tổng sản lượng lương thực

Tổng sản lượng lương thực 06 tháng đầu năm 2020 ước đạt 19.527 tấn so kế hoạch năm đạt 75,67%, so cùng kỳ đạt 79,44%. Trong đó: lúa 16.662 tấn, MQL 2.865 tấn.

1.3/ Về tổng diện tích gieo trồng

- Tổng diện tích gieo trồng 22.936 ha, so kế hoạch năm đạt 94,41 %, so cùng kỳ đạt 94,49%. Trong đó diện tích cây hàng năm 5.876 ha, diện tích cây công nghiệp lâu năm 15.476 ha, diện tích cây ăn quả 1.584 ha.

- Riêng diện tích gieo trồng cây hàng năm 5.876 ha, so kế hoạch năm đạt 81,22%, so cùng kỳ đạt 78,11%. Trong đó: cây Lúa 2.880 ha, so kế hoạch năm đạt 73,38%, so cùng kỳ đạt 99,04%; cây Bắp 430 ha, so kế hoạch năm đạt 69,92%, so cùng kỳ đạt 34,21%; cây Mì 2.155 ha, so cùng kỳ đạt 74%; cây Lang 25 ha; cây Rau các loại 249, Đậu các loại 30 ha.

1.4/ Về năng suất

Năng suất bình quân cây Lúa đạt 57,85 tạ/ha, so KH năm đạt 103,76%, so cùng kỳ đạt 99,97%. Năng suất cây Bắp đạt 66,63 tạ/ha, so KH năm đạt 104,53%, so cùng kỳ đạt 108,02%; Năng suất cây Mì đạt 230 tạ/ha, so KH năm đạt 100%; Các loại cây trồng khác năng suất ổn định so KH.

1.5/ Về giống

- Hiện nay cơ cấu giống lúa trên địa bàn huyện khá phong phú, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất của nông dân và khu vực.

- Đối với cây Lúa gồm các giống như: OM 4900, OM 5451, MTL 110, OM 6162, Đài thơm 8 và các giống khác.

- Đối với cây Bắp sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn, trái to, năng suất cao như: NK67, NK72, DK6919...

- Đối với cây khoai mì chủ lực vẫn là giống KM140, KM94, HLS11, các giống khác.

- Giống Sầu riêng: giống phổ biến Ri6.

1.6/ Tình hình sâu bệnh hại

- Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng. Khuyến cáo nông dân biện pháp phòng trừ . . .

- Đối tượng gây hại chủ yếu gồm: Trên cây lúa có chuột, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng; trên cây bắp có sâu xám, sâu đục thân; trên cây ăn trái có rầy phấn, bệnh chảy mủ, bệnh thán thư, sâu đục trái; trên cây cà phê có rệp sáp, bệnh khô cành . . . xuất hiện rải rác ở các xã, diện tích mật độ và tỷ lệ gây hại thấp.

Nhìn chung kết quả sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020 triển khai đúng tiến độ, đạt hiệu quả thể hiện qua năng suất bình quân (NSBQ) cây Lúa vụ Đông xuân tăng 3,76% so với kế hoạch, NSBQ cây Bắp tăng 4,53% so với kế hoạch.

1.7/ Tình hình sản xuất Nông nghiệp

a) Cây trồng ngắn ngày: Tổng diện tích gieo trồng 06 tháng đầu năm là 7.523 ha, đạt 77,69% kế hoạch và tổng sản lượng lương thực là 24.581 tấn, đạt 70,27% kế hoạch. Trong đó: diện tích cây lúa 2.908 ha, cây bắp 1.257 ha, cây mì 2.912 ha, khoai lang 27 ha, cây rau 280 ha, cây đậu các loại 29 ha, cây nghệ 70 ha, cây sen 16 ha.

b) Cây công nghiệp

- Cây tiêu: Diện tích thực hiện 287ha/337ha (kế hoạch 2020), giống tiêu sê, Vĩnh Linh, tiêu trâu. Mức độ đầu tư thâm canh, chăm sóc bình thường. Diện tích giảm 50ha ở xã Bàu Cạn, do giá tiêu ở mức thấp nên nông dân chặt bỏ vườn già cỗi để chuyển sang trồng cây khác (cây khoai mì).

- Cây cao su: Diện tích 540ha, sinh trưởng và phát triển bình thường, giai đoạn phát triển cành lá. Mức độ đầu tư thâm canh, chăm sóc bình thường.

- Cây điều: Diện tích 3.180ha, giống AB 0508, PN1, địa phương; đang thu hoạch cuối vụ, năng suất bình quân khoảng 1,4 tấn/ha.

1.8/ Công tác chuyên môn khác

- Tham mưu UBND huyện tổ chức hội nghị giao ban ngành nông nghiệp và PTNT huyện Long Thành quý 1 năm 2020; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án "Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019-2020" trong năm 2020; xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 02/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về Đề án "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

- Rà soát, tổng hợp cung cấp thông tin về tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

- Thực hiện đầu tư, hỗ trợ cho các hộ dân thực hiện xây dựng mô hình "Cánh đồng lúa chất lượng cao" vụ Đông Xuân 2019 - 2020, diện tích 20 ha, tại xã Bình An.

- Triển khai kế hoạch thăm đồng trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2020 nhằm kịp thời phát hiện tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng và hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phòng chống hiệu quả.

- Thực hiện các báo cáo: sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 41-CT/TW ngày 05/02/2015 của Ban Bí thư (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội"; kết quả thực hiện Đề án "Quản lý, phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản đến năm 2020"; kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020 và lập kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.

2/ Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi của huyện Long Thành được xác định là ngành kinh tế quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện, việc tổ chức lại sản xuất ngành chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhất là công nghiệp, dịch vụ, đô thị và dân cư trên địa bàn huyện, không chỉ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn mà còn tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho nông hộ, cải thiện môi trường khu vực nông thôn.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm ước 6 tháng năm 2020 có:
- + Trâu, bò 4.077 con, so kế hoạch đạt 89%.
- + Heo 124.275 con (nhỏ lẻ: 13.798 con, trang trại 110.477 con), so với kế hoạch đạt 76%.
- + Gia cầm 1.646.971 (nhỏ lẻ 1.565.828 con, trang trại 81.143 con), so với kế hoạch đạt 89%.

- Huyện có 104 trang trại chăn nuôi heo và 11 trang trại chăn nuôi gia cầm.

Để chăn nuôi phát triển, đạt hiệu quả cao trong những năm tiếp theo, lãnh đạo huyện xác định tập trung tuyên truyền vận động, khuyến khích người dân chuyển dần phương thức chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô tập trung, đồng thời chú trọng đến nâng cao chất lượng đàn giống và chuyển giao khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

2.1/ Công tác phòng chống dịch

2.1.1/ Tình hình dịch bệnh

Đến thời điểm này, trên địa bàn huyện Long Thành, tình hình dịch bệnh vẫn được kiểm soát chặt chẽ, kịp thời phát hiện và khống chế không để lây lan và bùng phát dịch. Ngành chăn nuôi của huyện vẫn đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng.

2.1.2/ Công tác phòng chống dịch

a. Công tác triển khai phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

Trên cơ sở Kế hoạch số 278/KH-SNN ngày 21/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020. Phòng Kinh tế đã tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch và dự toán kinh phí chi tiết về công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy cầm trên địa bàn huyện Long Thành năm 2020. Đồng thời, triển khai kế hoạch cho UBND các xã, thị trấn cùng thực hiện theo đúng nội dung, thời gian kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Công điện số 735/CD-BNN-TY ngày 03/02/2020 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh Cúm gia cầm; Văn bản số 724/BNN-TY ngày 01/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 1032/TB-UBND ngày 07/02/2020 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Võ Văn Chánh tại Hội nghị giao ban nông nghiệp, nông thôn quý I/2020. Phòng Kinh tế đã tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai công tác tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt I/2020, đề nghị UBND các xã, thị trấn tăng cường trong công tác phòng chống dịch cúm gia cầm nhằm kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, hạn chế tới mức thấp nhất sự lây lan của dịch bệnh vào địa bàn huyện.

b. Tình hình tái đàn và tăng đàn lợn

Song song với việc phòng, chống dịch bệnh DTLCP, cần triển khai chăn nuôi tái đàn lợn sau dịch. Việc nuôi tái đàn lợn thực hiện theo Công văn số

13/BCĐDTLCP ngày 19/12/2019 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP về việc tái đàn trong chăn nuôi lợn; hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 2364/HD-SNN&PTNT ngày 26/12/2019 về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP.

Tính tới thời điểm này, toàn huyện có 8/14 xã đã tái đàn lợn, số lượng khoảng 25.882 con/125 hộ.

c. Công tác tiêu độc sát trùng phòng chống dịch bệnh

Đã thực hiện xong công tác tiêu độc sát trùng phòng chống dịch bệnh trên địa bàn toàn huyện với số lít thuốc sử dụng là 1.493 lít, trong đó phun xịt nơi công cộng 964 lít, phun xịt cho các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ 529 lít.

3/ Thủy sản

- Tổng hợp báo cáo UBND huyện về việc thực hiện kiểm tra hoạt động thủy sản (nuôi trồng, đánh bắt và Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ, xung điện để đánh bắt thủy sản) trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2019.

- Tham mưu UBND huyện kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra tình hình hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

- Tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ và xung điện để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện năm 2020.

- Báo cáo Chi cục Thủy sản Đồng Nai về tình hình thủy sản trên địa bàn huyện.

- Triển khai kế hoạch và thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm của UBND các xã, thị trấn về nuôi trồng thủy sản và chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ và xung điện để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện năm 2020.

4/ Thủy lợi

- Theo dõi tình hình phục vụ sản xuất nông nghiệp của các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Kết quả chưa xảy ra tình trạng thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan khảo sát hiện trạng, đề xuất nạo vét đập Sa Cá, đập dâng bầu Tre thuộc xã Bình An, tuyến mương tổ 6 ấp sa cá xã Bình An. Trình UBND huyện xem xét, cho chủ trương thực hiện.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát và trình UBND huyện điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật 02 công trình gồm công trình nạo vét, sửa chữa mương thoát nước thuộc tổ 6 ấp Xóm Gốc xã Long An và công trình nạo vét, sửa chữa mương thoát nước thuộc tổ 6 và tổ 14 ấp 6, xã Bàu Cạn theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ.

- Phối hợp với các xã có công trình thủy lợi hỗ trợ Đại học thủy lợi – cơ sở 2 khảo sát, đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống kênh mương thủy lợi gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2025.

- Rà soát, góp ý Quy chế phối hợp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý.

- Tham mưu xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Báo cáo cung cấp số liệu xây dựng Chương trình đầu tư công về bố trí, sắp xếp dân cư nhằm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

5/ Lâm nghiệp

- Triển khai thực hiện phương án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2019-2020; Phân công nhân sự trực phòng cháy chữa cháy rừng từ đầu tháng 01 đến hết tháng 5 năm 2020.

- Xây dựng kế hoạch trồng cây phân tán năm 2020. Trồng cây năm 2020, có 14 đơn vị đăng ký, với số lượng 40.951 cây các loại.

- Tham mưu UBND huyện xây dựng báo cáo về tình hình giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Long Thành để làm việc với Đoàn giám sát của Ban KT-NS Hội đồng nhân dân tỉnh.

6/ Chương trình nước sinh hoạt và VSMTNT

- Triển khai đến UBND các xã rà soát danh sách cung cấp thiết bị lọc nước hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hỗ trợ lắp đặt thiết bị lọc nước hộ gia đình năm 2020 trên địa bàn huyện Long Thành.

- Đôn đốc UBND các xã rà soát danh sách cung cấp thiết bị lọc nước hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hỗ trợ lắp đặt thiết bị lọc nước hộ gia đình năm 2020 trên địa bàn huyện Long Thành (nhắc lần 2).

7/ Đào tạo nghề lao động nông thôn

- Triển khai đến UBND các xã, thị trấn đăng ký danh sách mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp lao động nông thôn năm 2020 trên địa bàn huyện Long Thành.

- Đôn đốc UBND các xã, thị trấn đăng ký danh sách mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp lao động nông thôn năm 2020 (nhắc lần 2).

- Xin chủ trương cho phép tổ chức lớp đào tạo nghề “Kỹ thuật trồng rau” tại UBND xã Bình Sơn với tổng số 23 học viên đăng ký.

8/ Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP

Đăng ký danh sách tham gia lớp tập huấn lấy mẫu sản phẩm nông lâm thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

- Thực hiện công tác thanh tra ATTP theo kế hoạch: từ đầu năm đến nay đã thanh tra đối với 9 cơ sở sản xuất thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống. Kết quả các cơ sở đều chấp hành tốt các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh kiểm tra 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong tháng hành động ATTP. Kết quả cả 2 cơ sở vẫn còn một số thiếu sót nhưng đoàn chỉ nhắc nhở, không xử lý vi phạm hành chính.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác xây dựng điểm kinh doanh thực phẩm an toàn tại chợ trên địa bàn huyện. Đến thời điểm này đã tuyên truyền, vận động được 21 hộ của chợ Cẩm Đường và chợ Mới Long Thành tham gia; các hộ đang hoàn thiện gửi hồ sơ về phòng Kinh tế để tổng hợp, tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

c/ Công tác cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện và xác nhận kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm

- Cấp chứng nhận đủ điều kiện ATTP: Thực hiện cấp cho 6 cơ sở thuộc lĩnh vực công thương và 3 cơ sở thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Xác nhận kiến thức ATTP: xác nhận kiến thức ATTP cho 35 nhân viên của 3 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

9/ Chương trình OCOP

- Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (gọi tắt là Chương trình OCOP) năm 2020.

- Tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ cho các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP năm 2020 do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức, có 13 người tham dự.

- Triển khai Hướng dẫn lập hồ sơ chứng minh thực hiện các tiêu chí tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đồng Nai.

- Phối hợp Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản hướng dẫn UBND hai xã An Phước, Phước Thái và các cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng hồ sơ tham gia chương trình OCOP; Khảo sát cơ sở sản xuất năm mới đen tại ấp 2, xã Cẩm Đường, để xem xét, hỗ trợ tham gia chương trình OCOP.

10/ Ngành nghề nông thôn

Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện năm 2020.

V/ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Rà soát và trình Ban Chỉ đạo Phong trào TĐĐKXDĐSVH khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong Chương trình phát huy sáng kiến, sáng tạo

trong lao động và học tập năm 2019. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát huy sáng kiến sáng tạo trong lao động và học tập năm 2020.

- Thông báo đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trên địa bàn huyện năm 2020. Tổng hợp đề xuất, tham mưu UBND huyện kiến nghị toàn Hội đồng KH&CN cơ sở và tổ chức họp Hội đồng KH&CN xét duyệt dự án có tính khả thi cao thực hiện năm 2020.

- Trình UBND huyện chấp thuận hỗ trợ kinh phí chứng nhận VietGAP cho các hộ dân tại xã Bình An, Bình Sơn. Theo dõi thực hiện đánh giá, tái chứng nhận VietGAP cho các hộ trồng sầu riêng.

- Tham mưu UBND huyện về việc đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm địa phương. Đề xuất đăng ký 01 nhãn hiệu tập thể mang địa danh và 03 nhãn hiệu chứng nhận.

- Hỗ trợ 01 hộ kinh doanh du lịch sinh thái vườn trái cây tại Bình An thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu hàng hóa “vườn trái cây Nguyễn Quốc” góp phần đạt chỉ tiêu 10.6 xây dựng Nông thôn mới.

- Đôn đốc UBND các xã tăng cường thực hiện cập nhật thông tin lên website các xã. Đề xuất UBND huyện, Phòng Nội vụ bổ sung chỉ tiêu đánh giá chất lượng Trang thông tin điện tử các xã vào Bộ chỉ số CCHC cấp xã.

VI/ NÔNG THÔN MỚI

- Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại 02 xã An Phước và Long Phước.

- Tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nâng cao năm 2020 và theo dõi tình hình triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nâng cao năm 2020 của các đơn vị, UBND các xã.

- Phối hợp với các phòng, ban và UBND các xã Long Đức, Lộc An, Bình An, Tam An chuẩn bị các nội dung và làm việc với đoàn của tỉnh về kiểm tra các xã sau 05 năm đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả, các xã được đánh giá giữ vững xã nông thôn mới.

- Tiếp tục tổ chức làm việc với 03 xã An Phước, Long Phước và Long An về những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai xây dựng khu dân cư kiểu mẫu. Trong đó, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện khu dân cư kiểu mẫu tại ấp 6 xã An Phước trình văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới tổng hợp.

- Tham mưu, trình UBND huyện kế hoạch triển khai hội thi tuyển đường sáng – xanh – sạch – đẹp trên địa bàn huyện theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tham dự hội nghị toàn quốc Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp và tập huấn chương trình OCOP năm 2020 tại tỉnh Quảng Trị.

VII/ ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp nhiều gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 các doanh nghiệp hoạt động

cầm chừng do thiếu nguyên vật liệu đầu vào và gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nhất là các đối tác nước ngoài không tiếp tục thực hiện đơn hàng như đã ký trước đây.

- Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 nên tình hình dịch vụ giảm so với cùng kỳ do phải đóng cửa một số ngành ăn, uống, giải trí, du lịch,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cho công nhân tạm nghỉ việc, hoặc nghỉ việc luân phiên và cho thôi việc nên công nhân giảm và mất thu nhập nên ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn.

- Về đầu tư xây dựng hạ tầng chợ nông thôn: hiện nay huyện đã kêu gọi được nhiều nhà đầu tư xây dựng chợ tuy nhiên còn vướng mắc về thủ tục ưu đãi đầu tư chợ nhất là đối với các chợ nông thôn vùng sâu, vùng xa, thời gian họp chợ ít, vì vậy kiến nghị UBND tỉnh và các Sở ngành nghiên cứu sớm ban hành các cơ chế, chính sách về ưu đãi đầu tư chợ nông thôn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình hạn hán trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi trong mùa khô để có phương án phòng, chống hạn kịp thời.

- Tổ chức tốt công tác trực ban phòng CCCR, QLBV rừng.

- Công tác quản lý các dự án KH&CN được tổ chức thực hiện theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai từ khâu tuyển chọn đề tài, dự án đến việc tổ chức giám định, tổng kết và báo cáo quyết toán kinh phí. Phối hợp tốt với các ban, ngành triển khai nhiều hoạt động quản lý trong lĩnh vực KH&CN: quản lý dự án, tiêu chuẩn – đo lường - chất lượng.

B/ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020.

I/ CÔNG NGHIỆP - TTCN

1/ Công nghiệp - TTCN

- Theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các Sở ban ngành của tỉnh và huyện thực hiện triển khai Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành đến năm 2015 và có tính đến năm 2020, Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 202 và tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản xuất kinh doanh, vượt qua thách thức trong quá trình hội nhập.

2/ Khuyến công

Phối hợp với Trung tâm Khuyến công Đồng Nai thực hiện công tác Khuyến công năm 2020 trên địa bàn.

II/ THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ

- Phối hợp tổ chức các phiên chợ Hàng Việt, phiên chợ Công nhân về các xã.

- Hỗ trợ các Công ty, Doanh nghiệp có nhu cầu tổ chức hội chợ trên địa bàn huyện.

- Báo cáo tình hình bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn huyện năm 2020.

- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu và giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai của các hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

III/ NÔNG NGHIỆP

1/ Nông nghiệp

- Phối hợp Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý và điều hành cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ, trang trại.

- Rà soát, hướng dẫn và đề xuất hỗ trợ cho các hợp tác xã gặp khó khăn, thiệt hại do dịch bệnh Covid-19.

- Góp ý hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông.

- Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn bà con nông dân sản xuất vụ Hè Thu 2019, thực hiện tốt các khâu thu hoạch, phơi sấy nhằm giảm tổn thất và đảm bảo chất lượng cho nông sản; Triển khai kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2019 đạt chỉ tiêu kế hoạch.

2/ Chăn nuôi

- Tiếp tục theo dõi tình hình diễn biến dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm để kịp thời tham mưu cho UBND huyện các nội dung liên quan.

- Phối hợp cùng Chi cục Chăn nuôi và Thú y triển khai thực hiện chương trình quản lý chăn nuôi bằng phần mềm Tefood.

- Kiểm tra công tác quản lý chăn nuôi trên địa bàn các xã, thị trấn trong tháng 6,7/2020.

3/ Thủy sản

- Tổng hợp báo cáo UBND huyện về việc thực hiện kiểm tra hoạt động thủy sản (Nuôi trồng, đánh bắt và Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ, xung điện để đánh bắt thủy sản) trên địa bàn các xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2020.

- Kiểm tra tình hình thực hiện của UBND các xã, thị trấn về nuôi trồng thủy sản và chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ và xung điện để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện năm 2020.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung có liên quan đến thủy sản phát sinh trong 6 tháng cuối năm.

4/ Thủy lợi

- Theo dõi tình hình thời tiết để kịp thời tham mưu UBND huyện xem xét chỉ đạo để hạn chế đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra.

- Tham mưu, trình Ban chỉ huy PCTT-TCN huyện kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác chuẩn về công tác PCTT-TCN tại các xã, thị trấn.

- Thực hiện các thủ tục mua sắm và cấp phát các trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn cho các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan sau khi có chủ trương của UBND huyện.

- Triển khai thực hiện thi công các công trình phòng chống thiên tai từ nguồn vốn quỹ phòng chống thiên tai năm 2019, 2020.

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án nạo vét đập Sa Cá, đập dâng bầu Tre thuộc xã Bình An, tuyến mương tổ 6 ấp sa cá xã Bình An và tổ chức thi công công trình trong 06 tháng cuối năm 2020.

5/ Lâm nghiệp

- Tổng kết thực hiện phương án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2019-2020; Xây dựng phương án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2020-2021.

- Bàn giao cây giống để các đơn vị triển khai công tác trồng cây; kiểm tra tình hình sinh trưởng, phát triển cây trồng.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến lâm sản, các lò than, bến bãi nơi tập kết gỗ, nhà hàng, quán ăn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

6/ Chương trình nước sinh hoạt và VSMTNT

Tiếp tục triển khai đến UBND các xã còn lại rà soát danh sách cung cấp thiết bị lọc nước hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, tổng hợp danh sách các hộ có nhu cầu lắp đặt năm 2020.

7/ Đào tạo nghề lao động nông thôn

Đôn đốc UBND các xã khẩn trương tổng hợp nhu cầu đăng kí danh sách mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp lao động nông thôn năm 2020.

8/ Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP

- Tham gia lớp tập huấn lấy mẫu sản phẩm nông lâm thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra để xác nhận kiến thức cho các cơ sở kinh doanh, sản xuất sản phẩm trên địa bàn huyện.

- Thực hiện thanh tra chuyên ngành ATTP theo kế hoạch của huyện.
- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất bánh trung thu dịp Tết Trung thu năm 2020.
- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất, thực phẩm dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2021.

9/ Chương trình OCOP

- Tiếp tục vận động, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia chương trình OCOP.
- Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm tham gia chương trình OCOP đợt 2 năm 2020.

10/ Ngành nghề nông thôn

- Phối hợp Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tổ chức lớp tập huấn về lĩnh vực nông thôn và làng nghề.
- Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện năm 2020.

IV/ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình Phát huy sáng kiến, sáng tạo trong lao động và học tập năm 2020.
- Tham mưu UBND huyện tổ chức hội nghị kết nối các Viện, Trung tâm nghiên cứu định hướng phát triển khoa học và công nghệ cấp huyện.
- Phối hợp với các xã hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.
- Tham mưu UBND huyện phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN triển khai năm 2020. Tổ chức Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp dự án KH&CN cấp cơ sở và trình UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt triển khai thực hiện các dự án.

- Kiểm tra kết quả hoạt động các Trang thông tin điện tử trên địa bàn các xã.

V/ NÔNG THÔN MỚI

- Triển khai cuộc thi “tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp” cấp huyện và chọn 02 tuyến đường đạt giải cao nhất để đăng ký thi cấp tỉnh.
- Tập trung các nhiệm vụ như kiểm tra, đánh giá công tác hoàn thiện hồ sơ minh chứng, diện mạo nông thôn và tổng hợp trình hồ sơ thẩm định xã Long An Bình An đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.
- Hợp Tổ chuyên viên đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới 06 tháng đầu năm tại các xã.
- Tổ chức kiểm tra, rà soát các nội dung để đảm bảo công tác tái thẩm định các 04 xã gồm Cẩm Đường, Bình Sơn, Phước Thái và Bàu Cạn sau 05 năm đạt chuẩn nông thôn mới vào tháng 10/2020.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2020 trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2020 của phòng Kinh tế báo cáo UBND huyện, Huyện ủy, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Công Thương;
- Sở NN & PTNT;
- Sở Khoa học & Công nghệ;
- HU, UBND - HĐND huyện;
- Phòng TC-KH; Thống kê;
- Lưu VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Văn Minh

**ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ
06 ĐẦU NĂM 2020 (Giá cố định 2010)**

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó			So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN										
I	Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản: Giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	1.067,924	2.620,468	1.098,727				41,93	102,88	
I.1	Giá trị sản xuất nông nghiệp	nt	995,140	2.478,366	1.024,941				41,36	102,99	
1	Trồng trọt	nt	432,088	1.207,218	448,819				37,18	103,87	
2	Chăn nuôi	nt	520,250	1.183,014	534,014				45,14	102,65	
3	Dịch vụ nông nghiệp	nt	42,802	88,134	42,108				47,78	98,38	
	Tỷ trọng chăn nuôi	%	52,28	47,73	52,10				109,15	99,66	
I.2	Giá trị sản xuất lâm nghiệp	Tỷ đồng	6,402	16,984	6,406				37,72	100,06	
	- Trồng rừng - Tu bổ	nt	0,390	1,475	0,391				26,51	100,26	
	- Khai thác	nt	6,012	15,509	6,015				38,78	100,05	
I.3	Giá trị thủy sản	Tỷ đồng	66,382	125,118	67,380				53,85	101,50	
	- Nuôi trồng	nt	52,254	95,912	53,231				55,50	101,87	
	- Khai thác	nt	14,128	29,206	14,149				48,45	100,15	
II	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	24.582	25.806	19.527	12.163	7.364		75,67	79,44	
	* Lúa	nt	16.829	21.886	16.662	10.962	5.700		76,13	99,01	
	* Bắp	nt	7.753	3.920	2.865	1.201	1.664		73,09	36,95	
III	Tổng diện tích cây trồng	Ha	24.274	24.295	22.936	2.083	3.793		94,41	94,49	
	Cây hàng năm	nt	7.523	7.235	5.876	2.083	3.793		81,22	78,11	
	Cây CN lâu năm	nt	15.167	15.476	15.476	0	0		100,00	102,04	
	Cây ăn quả	nt	1.584	1.584	1.584	0	0		100,00	100,00	

STT	Danh mục	ĐVT	TH	Kế hoạch năm	ƯITH	Trong đó			So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13
III.1	Diện tích cây trồng hàng năm	Ha	7.523	7.235	5.876	2.083	3.793		81,22	78,11	
1	Cây lương thực	Ha	4.165	4.540	3.310	1.878	1.432		72,91	79,47	
	1. Cây lúa	DT	2.908	3.925	2.880	1.740	1.140		73,38	99,04	
		NS	57,87	55,76	57,85	63	50		103,76	99,97	
		SL	16.829	21.886	16.662	10.962	5.700		76,13	99,01	
	2. Bắp	DT	1.257	615	430	138	292		69,92	34,21	
		NS	61,68	63,74	66,63	87	57		104,53	108,02	
		SL	7.753	3.920	2.865,00	1.201	1.664		73,09	36,95	
2	Cây có bột, củ	ha	2.939	2.195	2.180	5	2.175		99,32	74,17	
	1. Mì	DT	2.912	2.155	2.155	0	2.155		100,00	74,00	
		NS	230	230	230	230	230		100,00	100,00	
		SL	66.976	49.565	49.565	0	49.565		100,00	74,00	
	2. Lang	DT	27	40	25	5	20		62,50	92,59	
		NS	72	72	72	75	72		100,00	100,00	
		SL	194	288	180	38	144		62,50	92,59	
3	Cây thực phẩm		309	361	279	182	97		77,29	90,29	
	1. Rau các loại	DT	280	308	249	174	75		80,84	88,93	
		NS	100	100	100	100	100		100,00	100,00	
		SL	2.800	3.080	2.490	1.740	750		80,84	88,93	
	2. Đậu các loại	DT	29	53	30	8	22		56,60	103,45	
		NS	10	10	10	10	10		100,00	100,00	
		SL	29	53	30	8	22		56,60	103,45	
4	Cây công nghiệp hàng năm		110	139	107	18	89		76,98	97,27	
	1. Đậu nành	DT	3	11	5	0	5		45,45	166,67	
		NS	10	10	10	10	10		100,00	100,00	
		SL	3	11	5	0	5		45,45	166,67	
	2. Đậu phộng	DT	21	20	10	2	8		50,00	47,62	

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó				So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ		
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13	
	NS	tạ/ha	10	10	10	10	10		100,00	100,00		
	SL	tấn	21	20	10	2	8		50,00	47,62		
3. Sen	DT	ha	16	48	32	16	16		66,67	200,00		
	NS	tạ/ha	15	15	15	15	15		100,00	100,00		
	SL	tấn	24	72	48	24	24		66,67	200,00		
4. Nghệ	DT	ha	70	60	60	0	60		100,00	85,71		
	NS	tạ/ha	300	300	300	300	300		100,00	100,00		
	SL	tấn	2.100	1.800	1.800	0	1.800		100,00	85,71		
III.2	Cây CN lâu năm + cây ăn quả	ha	16.751	17.060	17.060				100,00	101,84		
1	Cây CN lâu năm	ha	15.167	15.476	15.476				100,00	102,04		
	1. Cà phê	ha	459	459	459				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	DT	ha									
	DT thu hoạch	DT	ha	459	459				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	18,50	18,50	18,50				100,00	100,00		
	SL	tấn	679,32	849,15	679,32				80,00	100,00	Mới thu hoạch 80% SL	
	2. Cao su	ha	11.145,79	11.454,79	11.454,79				100,00	102,77		
	Diện tích trồng mới	DT	ha	50	50				100,00	100,00		
	DT thu hoạch	DT	ha	9.037,79	9.037,79				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	13,92	13,92	13,92				100,00	100,00		
	SL	tấn	12.580,60	12.580,60	12.580,60				100,00	100,00		
	Trong đó: Cao su địa phương	DT	ha	539,79	539,79				100,00	100,00		
	DT thu hoạch	DT	ha	539,79	539,79				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	14,50	14,50	14,50				100,00	100,00		
	SL	tấn	234,81	234,81	234,81				100,00	100,00	Mới thu hoạch 30% SL	
	3. Dừa quả	ha	45	45	45				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha	ha									
	DT thu hoạch	DT	ha	45	45				100,00	100,00		

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯITH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó			So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13
	NS	tạ/ha	73,02	73,02	73,02				100,00	100,00	
	SL	tấn	197,15	328,59	197,15				60,00	100,00	Mới thu hoạch 60% SL
	4. Tiêu	DT	337	337	337				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha	20	20	20						
	DT thu hoạch	DT	317	317	317				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	18	18	18				100,00	100,00	
	SL	tấn	342,36	570,60	342,36				60,00	100,00	Mới thu hoạch 60% SL
	5. Điều	ha	3.180	3.180	3.180				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch	DT	3.174	3.174	3.174				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	13,97	13,97	13,97				100,00	100,00	
	SL	tấn	4.434,08	4.434,08	4.434,08				100,00	100,00	
2	Cây ăn quả	ha	1.584	1.584	1.584				100,00	100,00	
	1. Cam, quýt	DT	125	125	125				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha		3	3						
	DT thu hoạch	DT	118	118	118				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	72	72	72				100,00	100,00	
	SL	tấn	509,76	849,60	509,76				60,00	100,00	Mới thu hoạch 60% SL
	2. Chuối	DT	40	40	40				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch	DT	40	40	40				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	99	99	99				100,00	100,00	
	SL	tấn	237,60	396,00	237,60				60,00	100,00	Mới thu hoạch 60% SL
	3. Xoài	DT	80	80	80				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch	DT	80	80	80				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	129	129	129				100,00	100,00	

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó			So sánh %			Ghi chú
						Đồng xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ		
	A	B	1	7		8	9	10	11	12		13
	SL	tấn	619	1.032	619				60,00	100,00		Mới thu hoạch 60% SL.
	4. Chôm chôm	DT	350	350	350				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha										
	DT thu hoạch	DT	359	359	359				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	139	139	139				100,00	100,00		
	SL	tấn	998,02	4.990,10	998,02				20,00	100,00		Mới thu hoạch 20% SL.
	5. Bưởi	DT	120	120	120				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha										
	DT thu hoạch	DT	120	120	120				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	117	117	117				100,00	100,00		
	SL	tấn	842,40	1.404,00	842,40				60,00	100,00		Mới thu hoạch 60% SL.
	6. Sầu riêng	DT	259	259	259				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha										
	DT thu hoạch	DT	259	259	259				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	82,5	82,5	82,5				100,00	100,00		
	SL	tấn	1.282,05	2.136,75	1.709,40				80,00	133,33		Mới thu hoạch 80% SL.
	7. Mít	DT	109	109	109				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha	0	0	0							
	DT thu hoạch	DT	109	109	109				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	135	135	135				100,00	100,00		
	SL	tấn	882,90	1.471,50	882,90				60,00	100,00		Mới thu hoạch 60% SL.
	8. Nhân	DT	115	115	115				100,00	100,00		
	Diện tích trồng mới	ha										
	DT thu hoạch	DT	115	115	115				100,00	100,00		
	NS	tạ/ha	63,00	63,00	63,00				100,00	100,00		
	SL	tấn	289,80	724,50	289,80				40,00	100,00		Mới thu hoạch 40% SL.
	9. Mãng cầu	DT	30	30	30				100,00	100,00		

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó			So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch DT	ha	30	30	30				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	59	59	59				100,00	100,00	
	SL	tấn	70,80	177,00	70,80				40,00	100,00	Mới thu hoạch 40% SL
	10. Thanh Long	DT	5	5	5				100,00		
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch DT	ha	5	5	5				100,00		
	NS	tạ/ha	82	82	82				100,00		
	SL	tấn	24,60	41,00	24,60				60,00		Mới thu hoạch 60% SL
	11. Mãng cụt	DT	136	136	136				100,00		
	Diện tích trồng mới	ha	5	5	5						
	DT thu hoạch DT	ha	131	131	131				100,00		
	NS	tạ/ha	25	25	25				100,00		
	SL	tấn	65,50	327,50	196,50				60,00		Mới thu hoạch 60% SL
	12. Cây Dầu ta	DT	50	50	50				100,00		
	Diện tích trồng mới	ha									
	DT thu hoạch DT	ha	50	50	50				100,00		
	NS	tạ/ha	150	150	150				100,00		
	SL	tấn	600	750	600				80,00		Mới thu hoạch 80% SL
	13. Cây ăn quả khác	ha	165	165	165				100,00	100,00	
	Diện tích trồng mới	ha	3	3	3						
	DT thu hoạch DT	ha	162	162	162				100,00	100,00	
	NS	tạ/ha	123	123	123				100,00	100,00	
	SL	tấn	797,04	1.992,60	797,04				40,00	100,00	Mới thu hoạch 40% SL
IV	Chăn nuôi (Thời điểm 01/4/2020)										
1	Đàn trâu	con	245	257	239				93,00	97,55	
	Trong đó: Trâu cây kéo	con	41	39	35				89,74	85,37	

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó			So sánh %		
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	Ghi chú
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13
2	Đàn bò	con	3.729	4.494	3.838				85,40	102,92	
	Trong đó: - Bò cày	con	130	244	129				52,87	99,23	
	- Bò lai sin	con	3.100	3.800	3.339				87,87	107,71	
	- Bò sữa	con	198	250	200				80,00	101,01	
	- Bò cái sữa	con	170	200	170				85,00	100,00	
3	Đàn heo (không kể đàn heo con)	con	205.676	163.000	124.275				76,24	60,42	
	Trong đó: Heo nái	con	12.900	21.539	15.682				72,81	121,57	
	Heo thịt	con	123.000	141.300	108.443				76,75	88,17	
	Heo đực giống	con	160	161	150				93,17	93,75	
4	Gia cầm	con	1.776.122	1.842.472	1.646.971				89,39	92,73	
	Trong đó: - Gà CN	con	1.289.128	1.767.092	1.565.828				88,61	121,46	
	- Vịt	con	86.994	71.470	77.753				108,79	89,38	
	- Ngang	con	3.600	3.500	3.000				85,71	83,33	
	- Ngỗng	con	513	410	390				95,12	76,02	
V	Sản phẩm chăn nuôi										
1	Sản lượng thịt trâu + bò	tấn	259	362	270				74,59	104,25	
2	Sản lượng thịt heo hơi	tấn	24.000	22.000	20.000				90,91	83,33	
3	Sản lượng gia cầm	tấn	6.500	6.514	6.383				97,99	98,20	
4	Sản lượng trứng gia cầm	1000 quả	8.700	8.900	8.523				95,76	97,97	
5	Sản lượng sữa bò tươi	tấn	912	920	910				98,91	99,78	
VI	Thủy sản										
*	Diện tích	ha	212,87	229,00	214,00				93,45	100,53	
	- Nuôi cá + thủy sản	ha	99,56	113,00	100,00				88,50	100,44	
	- Nuôi tôm	ha	113,31	116,00	114,00				98,28	100,61	
*	Sản lượng Nuôi trồng	tấn	276,02	327,00	279,00				85,32	101,08	
	Trong đó: Sản lượng cá	tấn	147,14	165,00	149,00				90,30	101,26	
	Sản lượng tôm	tấn	128,88	162,00	130,00				80,25	100,87	

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó				So sánh %		
						Đồng xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ	Ghi chú	
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13	
*	Sản lượng khai thác khác	tấn	113,41	115,00	99,60				86,61	87,82		
VII	Lâm nghiệp											
a	Diện tích rừng trồng tập trung	ha	4.329,50	4.329,50	4.329,50				100,00	100,00		
	- Rừng sản xuất	ha	3.831,10	3.831,10	3.831,10				100,00	100,00		
	- Rừng phòng hộ	ha	489,40	489,40	489,40				100,00	100,00		
	- Rừng đặc dụng	ha										
b	Độ che phủ cây xanh	%	49,67	49,67	49,67				100,00	100,00		
	Trong đó: độ che phủ của rừng	%	10,05	10,05	10,05				100,00	100,00		
B	CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG											
1	Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng											
a)	Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng (giá cố định 2010)	tỷ đồng	46.252,544	106.767,967	53.358,985				49,98	115,36		
	Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định năm 2010)	tỷ đồng	44.530,260	102.793,070	51.378,348				49,98	115,38		
b)	Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng (giá hiện hành)	tỷ đồng										
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu:											
	- Điện	Tr.kwh										
	- Thép các loại	tấn										
	- Dây điện các loại	Km										
	- Máy bơm	cái										
	- Bình ắc quy	Kw/h										
	- Bột giặt	tấn										
	- Gạch các loại	1000 viên										
	- Ngói các loại	1000 viên										
	- Gạch men	1000 m ²										
	- Giấy các loại	tấn										
	- Ván ép các loại	m ³										

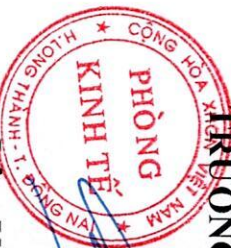
STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó				So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ		
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13	
	- Quần áo may sẵn	1000 cái										
	- Đồ hộp các loại	tấn										
	- Bột ngọt	1000 tấn										
	- Vò xe đạp, xe máy	1000 cái										
	- Đá khai thác	1000 m ³										
	- Quạt dân dụng các loại	cái										
	- Phân hỗn hợp NPK	tấn										
	- Gỗ xẻ	m ³										
	- Gỗ đồ mộc	m ³										
	- Thuốc lá điếu	1000 bao										
	- Bia các loại	1000 lít										
	- Đường mật	tấn										
	- Giấy dếp	1000 đôi										
	- Nước máy khai thác	1000 m ³										
	- Thức ăn gia súc	1000 tấn										
	- Bánh kẹo các loại	tấn										
	- Tivi các loại	cái										
	- Xe máy 2 bánh	1000 chiếc										
	- Xe tải nhẹ	chiếc										
	- Sơn cao cấp	1000 tấn										
	- Bao PP - PP bags	tấn										
	- Hạt nhựa PVC - PVC Plastic	tấn										
	- Khăn tắm các loại	1000 tấn										
	- Vải các loại	triệu m										
	- Giấy thủ thảo	1000 đôi										
	- Nhang trừ muỗi	thùng										
C	DỊCH VỤ											
1	- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (giá hiện hành)	tỷ đồng	8.038,057	19.446,635	7.843,127				40,33	97,57		
2	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	tỷ đồng										

STT	Danh mục	ĐVT	TH 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 06 tháng đầu năm 2020	Trong đó				So sánh %		Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ		
	A	B	1	7		8	9	10	11	12	13	
	Trong đó:											
	+ Tài chính - ngân hàng	tỷ đồng										
	+ Vận tải	tỷ đồng										
	+ khách sạn - Nhà hàng - dịch vụ du lịch	tỷ đồng										
3	- Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:											
	+ Cà phê	tấn										
	+ Cao su	tấn										
	+ Mạt ong	1000 USD										
	+ Gốm thủ công mỹ nghệ	1000 USD										
	+ Giày dép	1000 USD										
	+ Hạt điều nhân	tấn										
	+ Sữa và sản phẩm sữa	1000 USD										
	+ sản phẩm bằng nhựa	1000 USD										
	+ Đường	1000 USD										
	+ Hàng điện tử	1000 USD										
	+ Xe đạp	1000 USD										
	+ Điện - dây cáp điện	1000 USD										
4	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:											
	+ Phân bón	tấn										
	+ Hóa chất công nghiệp	1000 USD										
	+ Vải may mặc	1000 USD										
	+ Nguyên phụ liệu thuốc lá	1000 USD										
	+ Hàng tiêu dùng	1000 USD										
	+ Phụ tùng, MMTB cho sản xuất	1000 USD										
	+ Bột mỳ	1000 USD										
	+ Thực phẩm	1000 USD										
	+ Bột giấy	1000 USD										
	+ Tơ sợi	1000 USD										
	+ Phụ liệu hàng may mặc	1000 USD										
	+ Phụ liệu giày dép	1000 USD										
	+ Sắt thép	1000 USD										

STT	Danh mục	ĐVT	TH	Kế hoạch năm	ƯTH	Trong đó			So sánh %			Ghi chú
						Đông xuân	Hè thu	Vụ mùa	So KH 2020	So cùng kỳ		
	A	B	1	7		8	9	10	11	12		13
	+ Máy tính và linh kiện	1000 USD										

Nơi nhận:

- Sở Công Thương;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Long Thành;
- Chi cục Thống kê huyện LT;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu VT.

TRƯỜNG PHÒNG

Lâm Văn Minh